



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc
Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00370-23-1



Trương Vinh Phúc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

15-09-2023

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3073-2019-007-1



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		702.110.022.297	675.644.521.985
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	513.016.939.085	556.285.208.580
Tiền	111		23.016.939.085	26.285.208.580
Các khoản tương đương tiền	112		490.000.000.000	530.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.432.780.869	71.021.742.939
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	74.726.782.151	33.069.995.688
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	719.368.226	8.538.098.625
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	63.986.630.492	29.413.648.626
Hàng tồn kho	140	8	49.660.302.343	45.870.674.937
Hàng tồn kho	141		49.660.302.343	45.870.674.937
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	2.466.895.529
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	272.727.273
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.194.168.256
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		776.852.296.434	803.818.312.962
Các khoản phải thu dài hạn	210		192.664.000.000	40.014.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	192.664.000.000	40.014.000.000
Tài sản cố định	220		382.334.798.882	561.792.275.410
Tài sản cố định hữu hình	221	9	359.600.859.125	538.445.331.161
Nguyên giá	222		3.322.148.090.226	3.322.148.090.226
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.962.547.231.101)	(2.783.702.759.065)
Tài sản cố định vô hình	227	10	22.733.939.757	23.346.944.249
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.517.040.454)	(4.904.035.962)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	192.441.871.940	192.640.046.940
Đầu tư vào công ty con	251		175.000.000.000	175.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(47.058.128.060)	(46.859.953.060)
Tài sản dài hạn khác	260		9.411.625.612	9.371.990.612
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	30(c)	9.411.625.612	9.371.990.612
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.478.962.318.731	1.479.462.834.947

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		329.857.395.687	347.658.927.372
Nợ ngắn hạn	310		139.815.589.187	231.215.554.872
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	11.176.919.653	22.916.483.920
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	7.407.878.888	24.308.883.189
Phải trả người lao động	314		29.417.848.445	28.561.915.424
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	3.169.719.951	8.966.545.183
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	8.001.522.559	8.328.305.940
Vay ngắn hạn	320	16	43.331.566.000	31.051.566.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	24.472.650.000	96.419.484.573
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	12.837.483.691	10.662.370.643
Nợ dài hạn	330		190.041.806.500	116.443.372.500
Vay dài hạn	338	16	190.041.806.500	116.443.372.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.149.104.923.044	1.131.803.907.575
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.149.104.923.044	1.131.803.907.575
Vốn cổ phần	411	20	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	123.257.066	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415	19	-	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		136.823.150.755	131.440.962.019
- LNST chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) đến cuối năm trước	421a		49.705.331.171	(3.197.287.842)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		87.117.819.584	134.638.249.861
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.478.962.318.731	1.479.462.834.947

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	645.552.598.061	604.665.753.376
Giá vốn hàng bán	11	24	518.691.105.392	513.264.944.274
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		126.861.492.669	91.400.809.102
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	44.024.265.828	33.886.716.614
Chi phí tài chính	22	26	11.331.096.648	13.069.494.068
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.693.478.750</i>	<i>12.987.891.720</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	58.588.449.471	45.179.084.505
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		100.966.212.378	67.038.947.143
Thu nhập khác	31	28	2.383.883.681	97.803.668.603
Chi phí khác	32		260.725.482	689.194.583
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.123.158.199	97.114.474.020
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		103.089.370.577	164.153.421.163
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	16.011.185.993	29.515.171.302
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	30	(39.635.000)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		87.117.819.584	134.638.249.861

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		103.089.370.577	164.153.421.163
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		179.457.476.528	180.011.313.424
Các khoản dự phòng	03		39.425.230.221	55.567.415.501
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(21.039.176)	63.190.750
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(43.212.428.151)	(126.987.153.165)
Chi phí lãi vay	06		10.693.478.750	12.987.891.720
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		289.432.088.749	285.796.079.393
Biến động các khoản phải thu	09		(208.086.282.212)	(25.787.767.172)
Biến động hàng tồn kho	10		(3.789.627.406)	4.449.974.261
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(139.867.829.001)	(41.268.361.498)
Biến động chi phí trả trước	12		272.727.273	-
			(62.038.922.597)	223.189.924.984
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.729.677.219)	(13.272.757.936)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.556.303.653)	(13.245.501.780)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(13.225.085.000)	(13.777.970.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(109.549.988.469)	182.893.695.268

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		-	(931.972.036)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	93.288.186.018
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		32.328.340.689	34.355.399.793
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		32.328.340.689	126.711.613.775
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	32		11.918.826.733	-
Tiền thu từ đi vay	33		122.147.200.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(36.268.766.000)	(31.051.566.000)
Tiền trả cổ tức	36		(63.865.993.300)	(62.966.437.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		33.931.267.433	(94.018.003.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(43.290.380.347)	215.587.306.043
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		556.285.208.580	340.712.868.131
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		22.110.852	(14.965.594)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	513.016.939.085	556.285.208.580

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 354 nhân viên (1/1/2022: 345 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Số dư dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	391.054.914	18.080.944
Tiền gửi ngân hàng	22.625.884.171	26.267.127.636
Các khoản tương đương tiền (*)	490.000.000.000	530.000.000.000
	513.016.939.085	556.285.208.580

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 4,5% đến 6,0%/năm (1/1/2022: từ 2,9% đến 3,5%/năm).

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	11.127.025.895	19.097.362.493
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	63.599.756.256	13.972.633.195
	74.726.782.151	33.069.995.688

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trả trước hợp đồng hệ thống xử lý nước dẫn tàu	-	2.470.858.512
Trả trước khác	719.368.226	6.067.240.113
	<hr/>	<hr/>
	719.368.226	8.538.098.625
	<hr/>	<hr/>

7. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	58.643.416.000	12.454.850.000
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	<i>10.915.000.000</i>	<i>-</i>
▪ <i>Phải thu về chi hệ mua tàu</i>	<i>35.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>
▪ <i>Phải thu khác</i>	<i>12.728.416.000</i>	<i>454.850.000</i>
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	2.463.440.961	2.494.353.499
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	<i>2.463.440.961</i>	<i>2.494.353.499</i>
Chi hệ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	1.529.585.637	-
Chi hệ Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn – bên liên quan	-	217.902.292
Tạm ứng cho người lao động	1.262.579.366	1.265.047.608
Phải thu Nhà nước (Thuyết minh 17)	-	12.500.000.000
Các khoản phải thu khác	87.608.528	481.495.227
	<hr/>	<hr/>
	63.986.630.492	29.413.648.626
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	192.650.000.000	40.000.000.000
▪ <i>Phải thu về chi hệ mua tàu</i>	<i>192.650.000.000</i>	<i>40.000.000.000</i>
Các khoản phải thu khác	14.000.000	14.000.000
	192.664.000.000	40.014.000.000

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi.

8. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Nguyên vật liệu	49.113.274.959	45.504.755.129
Công cụ và dụng cụ	547.027.384	365.919.808
	49.660.302.343	45.870.674.937

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm và cuối năm	101.836.756.726	174.339.147	3.219.794.484.978	342.509.375	3.322.148.090.226
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.467.745.328	174.339.147	2.777.718.165.215	342.509.375	2.783.702.759.065
Khấu hao trong năm	2.733.872.664	-	176.110.599.372	-	178.844.472.036
Số dư cuối năm	8.201.617.992	174.339.147	2.953.828.764.587	342.509.375	2.962.547.231.101
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	96.369.011.398	-	442.076.319.763	-	538.445.331.161
Số dư cuối năm	93.635.138.734	-	265.965.720.391	-	359.600.859.125

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 161.932 triệu VND (1/1/2022: 206.422 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

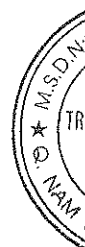
Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản với nguyên giá 810.841 triệu VND (1/1/2022: 807.141 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.904.035.962
Khấu hao trong năm	613.004.492
Số dư cuối năm	5.517.040.454
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	23.346.944.249
Số dư cuối năm	22.733.939.757



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022				1/1/2022					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con										
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	100%	160.000.000.000	-	(*)	100%	160.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	100%	15.000.000.000	-	(*)	100%	15.000.000.000	-	(*)
				<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(47.058.128.060)	(*)	625.000	53.500.000.000	(46.859.953.060)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	-	(*)	600.000	6.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)	500.000	5.000.000.000	-	(*)
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(47.058.128.060)</u>	<u>-</u>		<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.859.953.060)</u>	<u>-</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11/11/2023
 KẾ TOÁN
 CÔNG TY
 0100

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	3.706.604.270	3.244.206.224
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	1.889.422.038	6.977.648.247
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	917.748.992	888.514.935
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	353.772.619	982.656.059
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	63.821.250	31.900.100
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	16.000.000	-
	6.947.369.169	12.124.925.565
<i>Các bên thứ ba</i>		
Đăng kiểm ABS	1.184.979.144	402.107.563
Công ty TNHH DVTM và SCTB Việt Điền	981.442.980	258.293.750
Công ty TNHH MTV Thái Sơn	-	4.655.617.360
Công ty TNHH An Dương	-	2.500.902.888
Các nhà cung cấp khác	2.063.128.360	2.974.636.794
	4.229.550.484	10.791.558.355
	11.176.919.653	22.916.483.920

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	7.052.744	31.415.443.905	(28.275.996.201)	3.146.500.448
Thuế nhập khẩu	-	19.364.886.145	(19.364.886.145)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.506.420.842	16.011.185.993	(36.056.303.653)	3.461.303.182
Thuế thu nhập cá nhân	707.444.179	2.610.102.156	(2.528.999.759)	788.546.576
Các loại thuế phí khác	87.965.424	2.556.976.011	(2.633.412.753)	11.528.682
	<u>24.308.883.189</u>	<u>71.958.594.210</u>	<u>(88.859.598.511)</u>	<u>7.407.878.888</u>

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	1.144.973.326	1.181.171.795
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	393.177.755	2.329.070.404
Cảng phí	274.275.540	1.062.834.652
Bảo hiểm	-	2.649.039.848
Các khoản khác	1.357.293.330	1.744.428.484
	<u>3.169.719.951</u>	<u>8.966.545.183</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công đoàn	2.176.780.432	1.907.896.771
Cổ tức phải trả	1.321.523.960	1.294.184.460
Phải trả về hoạt động tàu Vân Phong	-	1.324.579.718
Các khoản phải trả khác	4.503.218.167	3.801.644.991
	<u>8.001.522.559</u>	<u>8.328.305.940</u>

2-C.1
 T.Y
 ỦU HAN
 G
 T.P.H

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành	VND	9,7%	2026	116.443.372.500	147.494.938.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Chi nhánh HCM	VND	7,9%	2032	116.930.000.000	-
				233.373.372.500	147.494.938.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(43.331.566.000)	(31.051.566.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				190.041.806.500	116.443.372.500

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 161.932 triệu VND (1/1/2022: 206.422 triệu VND) (Thuyết minh 9) và tài sản cố định hữu hình của một công ty con.

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự phòng phải trả Nhà nước (i)	-	50.000.000.000
Dự phòng sửa chữa lớn (ii)	24.472.650.000	46.419.484.573
Số dư cuối năm	24.472.650.000	96.419.484.573

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Ngày 20 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST (“Bản án”) đối với vụ việc liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư khu nhà, đất số 8 – 12 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, mà trong đó Công ty là bên liên đới trong vụ xét xử. Trước đây, trong năm 2010, Công ty (xuất phát từ tư cách là một trong các bên thuê đất tại số 8 – 12 Lê Duẩn và được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“UBND”) chỉ định tham gia dự án đầu tư khu nhà đất số 8 – 12 Lê Duẩn với tư cách là cổ đông góp vốn trong Công ty cổ phần đầu tư Lavenue) đã thực góp số tiền 12,5 tỷ VND. Sau đó, cũng trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư Lavenue cho một đối tác và ghi nhận doanh thu tài chính với số tiền 50 tỷ VND và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 12,5 tỷ VND tương ứng vào Ngân sách Nhà nước. Theo kết luận của Bản án, trường hợp Công ty không đủ năng lực tài chính tham gia dự án đầu tư thì “phải báo cáo UBND để có biện pháp tìm kiếm nhà đầu tư mới, việc thay đổi nhà đầu tư phải được sự đồng ý của UBND”. Do đó, cũng theo Bản án khoản doanh thu tài chính “50 tỷ VND từ việc chuyển nhượng này là khoản thu lợi bất chính nên cần được thu hồi theo quy định của pháp luật và Công ty được quyền liên hệ với Chi cục thuế Quận 1 để hạch toán lại số tiền thuế đã nộp”. Trong năm 2020, với kết luận của Bản án sơ thẩm, Ban lãnh đạo Công ty nhận định rằng Công ty đã có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể xảy ra và giá trị của nghĩa vụ nợ có thể được ước tính một cách tin cậy. Do đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh theo kết luận của Bản án sơ thẩm để ghi nhận khoản dự phòng phải trả Nhà nước với số tiền 50 tỷ VND, khoản thuế phải thu Nhà nước với số tiền 12,5 tỷ VND (Thuyết minh 7(a)) và đồng thời ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 37,5 tỷ VND. Ngày 2 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án Phúc thẩm số 452/2021/HSPT theo đó Tòa án đưa ra kết luận y án sơ thẩm. Ngày 13 tháng 7 năm 2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định thi hành án chủ động số 2483/QĐ-CTHADS theo đó buộc Công ty nộp lại số tiền 50 tỷ VND để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Ngày 22 tháng 7 năm 2022, Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền trên. Trong năm 2022, khoản thuế phải thu Nhà nước với số tiền 12,5 tỷ VND đã được bù trừ với khoản thuế phải nộp.
- (ii) Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong năm như sau:

	Dự phòng sửa chữa lớn	
	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	46.419.484.573	29.174.443.081
Dự phòng lập trong năm	39.227.055.221	55.567.415.501
Dự phòng sử dụng trong năm	(61.173.889.794)	(38.322.374.009)
Số dư cuối năm	24.472.650.000	46.419.484.573

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	10.662.370.643	7.740.294.062
Trích lập trong năm	17.842.298.048	19.282.146.581
Sử dụng quỹ	(15.667.185.000)	(16.360.070.000)
Số dư cuối năm	12.837.483.691	10.662.370.643

112
ÔNG
HIE
PT
IEN

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	41.678.191.539	1.079.541.137.095
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	134.638.249.861	134.638.249.861
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(19.282.146.581)	(19.282.146.581)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(63.093.332.800)	(63.093.332.800)
Điều chuyển quỹ	-	-	-	(37.500.000.000)	37.500.000.000	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	213.491.855.223	131.440.962.019	1.131.803.907.575
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	87.117.819.584	87.117.819.584
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17.842.298.048)	(17.842.298.048)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	283.272.976	11.635.553.757	-	-	11.918.826.733
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	798.666.660.000	123.257.066	-	213.491.855.223	136.823.150.755	1.149.104.923.044

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	1.000.000	10.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

21. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: chia cổ tức với số tiền là 63.093 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020).

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	7.125	166.792.270	178.211	4.034.695.909



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	642.065.598.065	589.010.398.705
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	3.486.999.996	15.655.354.671
	<hr/> 645.552.598.061	<hr/> 604.665.753.376

24. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	517.470.655.392	499.632.389.507
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.220.450.000	13.632.554.767
	<hr/> 518.691.105.392	<hr/> 513.264.944.274

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức được chia	28.483.130.310	22.539.322.996
Lãi tiền gửi	14.729.297.841	11.159.644.151
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	790.798.501	187.749.467
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	21.039.176	-
	<hr/> 44.024.265.828	<hr/> 33.886.716.614

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	10.693.478.750	12.987.891.720
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	439.442.898	18.411.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	63.190.750
Lập dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	198.175.000	-
	11.331.096.648	13.069.494.068

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	26.716.817.424	21.622.174.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.778.305.545	7.902.576.624
Chi phí khấu hao	4.429.260.476	4.983.097.372
Chi phí vật liệu quản lý	434.589.331	2.575.073.754
Chi phí đồ dùng văn phòng	319.386.495	778.974.182
Chi phí khác	15.910.090.200	7.317.187.579
	58.588.449.471	45.179.084.505

28. Thu nhập khác

	2022 VND	2021 VND
Tiền bảo hiểm được bồi thường	2.225.940.331	142.913.508
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	93.288.186.018
Các khoản khác	157.943.350	4.372.569.077
	2.383.883.681	97.803.668.603

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	153.076.737.816	110.653.003.251
Chi phí nhân công	104.203.979.589	108.501.217.000
Chi phí khấu hao	179.457.476.528	180.011.313.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.981.409.676	42.231.932.108
Chi phí khác	94.559.951.254	104.503.208.229

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	16.011.185.993	29.515.171.302
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(39.635.000)	-
Chi phí thuế thu nhập	15.971.550.993	29.515.171.302

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	103.089.370.577	164.153.421.163
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.617.874.115	32.830.684.233
Thu nhập không bị tính thuế	(5.696.626.062)	(4.507.864.599)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.115.996.623	1.196.228.903
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(65.693.683)	(3.877.235)
Chi phí thuế thu nhập	15.971.550.993	29.515.171.302

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần An Phú.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	218.323.567.272	178.786.884.848
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	415.809.580.789	387.572.427.953
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.967.857.204	16.371.196.069
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	44.363.830.559	16.031.285.473
Cổ tức được chia	24.319.689.349	18.794.969.497
Trả hộ khoản vay	3.070.000.000	-
Mua hộ tàu	213.812.221.098	-
Phí chia sẻ văn phòng làm việc	1.660.800.000	-
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng		
Mua hàng hóa và dịch vụ	146.554.074	245.759.513
Cổ tức được chia	3.663.440.961	2.494.353.499
Các công ty liên quan khác		
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP		
Mua hàng hóa và dịch vụ	14.462.017.529	14.346.791.064
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.307.317.424	21.808.416.992



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		
	2022	2021	
	VND	VND	
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore			
Mua hàng hóa và dịch vụ	58.187.900.168	49.455.207.062	
Doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	27.544.957.075	
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV			
Mua hàng hóa và dịch vụ	679.189.090	414.374.182	
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex			
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	182.010.000	
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long			
Mua hàng hóa và dịch vụ	511.481.775	4.876.406.794	
Công ty TNHH Thuyền viên Vipco			
Chi hộ chi phí lương	19.345.346.340	17.986.696.341	
Thành viên Ban Giám đốc			
Tiền lương và thưởng			
Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc	740.422.687	756.909.646
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc	594.438.149	607.727.717
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	594.438.149	607.727.717
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	(*)	(*)
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	594.438.149	607.727.717
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc	594.438.149	607.727.717
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			
Tiền lương, thưởng và thù lao			
Ông La Văn Út	Chủ tịch	886.515.946	906.213.674
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	594.438.149	552.582.906
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	67.200.000	47.600.000
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	67.200.000	47.600.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	-	19.600.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát	-	19.600.000

(*) Các khoản thù lao của ông Bùi Hồng Dũng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được chi trả bởi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn, là công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc



